

Số: 2855/HD-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung một số nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Bộ Tư pháp ban hành Hướng dẫn thực hiện một số nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030, như sau:

Phần thứ nhất
QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn này quy định việc tổ chức thực hiện một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình) thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Bộ Tư pháp, cụ thể:

- (1) Nội dung số 02, thuộc Nội dung thành phần số 05, Hợp phần thứ nhất.
- (2) Nội dung số 03, thuộc Nội dung thành phần số 05, Hợp phần thứ nhất.

2. Đối tượng áp dụng

Các Bộ, ngành, cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trong quản lý, thực hiện các nội dung: Nội dung số 02 và Nội dung số 03 thuộc Nội dung thành phần số 05, Hợp phần thứ nhất thuộc Chương trình.

II. NGUYÊN TẮC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG VỐN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG

1. Thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

2. Căn cứ quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động của Chương trình: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan; văn bản của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; đảm bảo đúng quy định pháp luật, chất lượng, hiệu quả, tiến độ, tiết kiệm và không trùng lặp (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

Phần thứ hai HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

A. NỘI DUNG 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính

I. Tên nhiệm vụ

1. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã
2. Tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh

II. Mục tiêu

1. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Chuyển đổi tư duy từ “quản lý” sang “phục vụ”, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là tiêu chí cao nhất để đánh giá hiệu quả hoạt động. Xây dựng nền hành chính thân thiện, nơi cán bộ công chức phục vụ tận tâm, trách nhiệm, giúp người dân, doanh nghiệp cảm thấy thuận tiện nhất khi đến giao dịch.

2. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Đổi mới quy trình để người dân có thể tiếp cận dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính, hướng tới việc giải quyết thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi. Gắn việc giải quyết thủ tục hành chính với số hóa hồ sơ, kết quả nhằm tăng năng suất lao động và hình thành các nền tảng cho công dân số, Chính phủ số. Chuyển dịch từ mô hình “một cửa tại trụ sở” sang “một cửa trên không gian số”, giảm thiểu tối đa việc sử dụng giấy tờ và chi phí xã hội.

3. Tối ưu hóa quy trình và tính minh bạch trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết và công khai, minh bạch toàn bộ quy trình để dễ theo dõi, giám sát. Ứng dụng công nghệ để theo dõi, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực, giúp ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

4. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, giúp việc xử lý hồ sơ diễn ra liên tục, không bị gián đoạn, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

III. Phạm vi, địa bàn tổ chức, thực hiện

Các nội dung nêu trên được thực hiện trên phạm vi cả nước (ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo).

IV. Đối tượng

Cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên phạm vi cả nước; cán bộ, công chức tham gia tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết về pháp lý, thanh toán nghĩa vụ tài chính, phiên dịch tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc (nếu cần), sao chụp, in ấn tài liệu và các dịch vụ cần thiết khác cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

V. Nội dung thực hiện

1. Hướng dẫn thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng giấy tờ đã được số hóa

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng giấy tờ đã được số hóa.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng giấy tờ đã được số hóa tại địa phương.

c) Tổ chức triển khai hỗ trợ nghiệp vụ trực tiếp hoặc từ xa.

d) Truyền thông kết quả thực hiện để nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp tại địa phương về số hóa và tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

2. Hướng dẫn thực hiện đổi mới việc theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn tại địa phương theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

c) Truyền thông kết quả thực hiện để nâng cao nhận thức của người dân,

3. Hướng dẫn quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính.

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện công khai thủ tục hành chính; công khai các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; quy trình thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn tại địa phương.

c) Truyền thông về Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp gửi phản ánh, kiến nghị, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết quả xử lý phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Hướng dẫn đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn nhận diện thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

b) Xây dựng tài liệu hướng dẫn rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

c) Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn tại địa phương.

5. Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn tại địa phương.

c) Truyền thông về kết quả triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

6. Khảo sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

a) Tổ chức các Đoàn khảo sát, đánh giá việc giải quyết việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

b) Xây dựng Báo cáo khảo sát, đánh giá, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá.

7. Truyền thông đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

a) Truyền thông đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công:

- Xây dựng tin bài đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Xây dựng và phát hành các tài liệu về hướng dẫn việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Truyền thông, xây dựng các chương trình, phóng sự, tin bài về mục đích, ý nghĩa thực hiện công tác thủ tục hành chính trong xây dựng nông thôn mới trên Cổng Pháp luật quốc gia, các phương tiện thông tin đại chúng và phủ sóng, phát hành ở các địa phương, trong đó có các tỉnh có địa bàn nghèo, vùng nông thôn.

b) Truyền thông giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính:

- Xây dựng tin bài về giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Xây dựng, phát hành tài liệu về giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Truyền thông, xây dựng các chương trình, phóng sự, tin bài về mục đích, ý nghĩa thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong xây dựng nông thôn mới trên Công Pháp luật quốc gia, các phương tiện thông tin đại chúng và phủ sóng, phát hành ở các địa phương, trong đó có các tỉnh có địa bàn nghèo, vùng nông thôn.

B. NỘI DUNG 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ; bao gồm 05 nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

Nhiệm vụ 2: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

Nhiệm vụ 3: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng hoạt động bồi thường nhà nước cho người dân tập trung, ưu tiên

người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

Nhiệm vụ 4: Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh tại địa bàn nông thôn mới, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng an toàn khu, biên giới và hải đảo.

Nhiệm vụ 5: Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

B1. NHIỆM VỤ 1

I. Tên nhiệm vụ

Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

II. Mục tiêu

Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở để người dân được biết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

III. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên địa bàn cả nước, ưu tiên khu vực nông thôn, địa bàn có xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

IV. Đối tượng

1. Các xã, thôn, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trên địa bàn cả nước. Trong đó, ưu tiên người dân vùng nông thôn, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, công chức Tư pháp, cán bộ cấp xã, thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội tổ chức đoàn thể; hòa giải viên ở cơ sở; báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; người có uy tín, vai trò trong cộng đồng, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

V. Nội dung thực hiện

1. Về trợ giúp pháp lý

a) Xây dựng, phát hành các loại tài liệu, sách, chuyên đề hướng dẫn về trợ giúp pháp lý cho người dân.

b) Xây dựng các chương trình, phóng sự, tin bài về trợ giúp pháp lý, trong đó có các vụ việc trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng yếu thế, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý trên các phương tiện truyền thông phủ sóng toàn quốc, trong đó có địa bàn nghèo, vùng nông thôn; vận hành và duy trì Trang Thông tin trợ giúp pháp lý Việt Nam, đường dây nóng về trợ giúp pháp lý; kết nối, tích hợp hoạt động trợ giúp pháp lý với các nền tảng số quốc gia, cơ sở dữ liệu pháp luật và dịch vụ công trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của người dân.

c) Thực hiện khảo sát, nói chuyện chuyên đề, cung cấp thông tin, truyền thông, tập huấn trực tiếp điểm hoặc luân phiên theo địa bàn về trợ giúp pháp lý để nâng cao khả năng tiếp cận, nhận thức, hiểu biết cho người dân, người nghèo, đối tượng yếu thế, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, đại diện hộ gia đình, tổ chức và cá nhân có liên quan về trợ giúp pháp lý và cách thức để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

d) Tổ chức tập huấn chuyên đề chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng yếu thế để nâng cao năng lực đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức và cá nhân có liên quan.

đ) Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức trợ giúp pháp lý điểm hoặc luân phiên theo địa bàn cho cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín, các tổ chức và cá nhân có liên quan để có khả năng cung cấp thông tin, giải thích về trợ giúp pháp lý cho người dân và giới thiệu người dân thuộc diện trợ giúp pháp lý đến các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước khi gặp vướng mắc pháp luật.

e) Các hoạt động để trao đổi kinh nghiệm về thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công, chú ý vụ việc tố tụng trong lĩnh vực đất đai, nhà ở, dân sự... và kinh nghiệm thực hiện phối hợp trợ giúp pháp lý của các địa phương, chú ý các địa bàn nghèo, vùng nông thôn.

g) Đặt bảng thông tin, hộp tin về trợ giúp pháp lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã, công an xã thuộc vùng nông thôn (trừ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

h) Xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý trên Đài truyền thanh cấp xã (trừ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

i) Hỗ trợ viên chức của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách tham gia lớp đào tạo nghề luật sư.

k) Nâng cao năng lực, kiến thức về cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trợ giúp pháp lý cho công an cấp xã.

2. Về tiếp cận pháp luật

a) Truyền thông, xây dựng các chương trình, phóng sự, tin bài về mục đích, ý nghĩa, vai trò, kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật quốc gia; Cổng Pháp luật quốc gia; các phương tiện thông tin đại chúng và phủ sóng, phát hành trên toàn quốc, trong đó có các tỉnh có địa bàn nghèo, vùng nông thôn.

b) Xây dựng, phát hành các loại tài liệu về tiếp cận pháp luật.

c) Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho đội ngũ công chức tham mưu đánh giá tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới.

d) Tập huấn điểm hoặc luân phiên nâng cao kiến thức pháp luật cho đại diện hộ gia đình nhằm tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân.

đ) Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

e) Tổ chức khảo sát, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật giữa các địa phương tại vùng nông thôn bằng hình thức phù hợp, bao gồm hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Đối với việc đánh giá, xét đạt chỉ tiêu 10.1. “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” (thuộc tiêu chí 10 “Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng” tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030): Nội dung, mức độ đạt chuẩn chỉ tiêu 10.1 “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thực hiện theo quy định tại Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng nội dung tiêu chí đối với từng

nhóm xã nhưng không được thấp hơn mức độ đạt chuẩn quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025.

3. Về phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm để tham khảo, trao đổi kinh nghiệm triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật của người dân.

b) Thực hiện tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, công chức tham mưu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Xây dựng, phát hành các loại tài liệu, ấn phẩm truyền thông chính sách pháp luật, sách, chuyên đề hướng dẫn về phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật trên báo, đài, các phương tiện thông tin đại chúng phủ sóng trên toàn quốc, trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia; Cổng Pháp luật quốc gia nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật của người dân.

đ) Xây dựng và đăng tải các tài liệu truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật, tài liệu tập huấn, các ấn phẩm khác về phổ biến, giáo dục pháp luật trên các nền tảng số, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác phù hợp, tiến tới áp dụng các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong tập huấn, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, công chức tham mưu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Về hòa giải ở cơ sở

a) Truyền thông, phổ biến, xây dựng các chương trình, phóng sự, tin bài về công tác hòa giải ở cơ sở trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia; Cổng Pháp luật quốc gia; các phương tiện thông tin đại chúng phủ sóng trên toàn quốc, trong đó có các tỉnh có địa bàn nghèo, vùng nông thôn.

b) Xây dựng, phát hành các loại tài liệu, sách, chuyên đề hướng dẫn, ấn phẩm về hòa giải ở cơ sở.

c) Tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở điểm hoặc luân phiên cho đội ngũ tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở.

d) Xây dựng và đăng tải các tài liệu phổ biến kiến thức pháp luật, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, các ấn phẩm khác về hòa giải ở cơ sở trên các nền tảng số, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác phù hợp, tiến tới áp dụng các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong tập huấn, bồi dưỡng hòa giải viên.

đ) Hỗ trợ hoạt động cho Tổ hòa giải.

e) Khảo sát (trực tuyến hoặc trực tiếp), trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm (thông qua hội thảo, tọa đàm, hội thi hòa giải viên giỏi, đoàn học tập kinh nghiệm) về thực hiện các vụ việc hòa giải ở cơ sở và kinh nghiệm trong phối hợp triển khai thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở của các địa phương tại vùng nông thôn.

g) Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc về công tác hòa giải ở cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

B2. NHIỆM VỤ 2

I. Tên nhiệm vụ

Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

II. Mục tiêu

Giúp người dân kịp thời tiếp cận và thụ hưởng biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm để được tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

III. Phạm vi, địa bàn tổ chức, thực hiện

Trên toàn quốc; ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

IV. Đối tượng

Người thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm tại địa phương; người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm tại các cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm; người hỗ trợ hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm; người dân ở các địa phương, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

V. Nội dung thực hiện

1. Nội dung thực hiện

a) Truyền thông, nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công về đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân.

b) Khảo sát, nói chuyện chuyên đề, cung cấp thông tin, truyền thông trực tiếp pháp luật về biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân ở các địa phương.

c) Xây dựng các chương trình, chuyên đề pháp luật trên truyền hình, truyền thanh; ấn phẩm truyền thông pháp luật cho người dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan ở các địa phương.

d) Biên soạn tài liệu hỏi đáp pháp luật, cẩm nang pháp luật, sổ tay pháp luật và các ấn phẩm tài liệu khác về biện pháp bảo đảm và đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân ở các địa phương.

2. Nâng cao năng lực hỗ trợ cho cán bộ cơ sở, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng nhằm hỗ trợ hiệu quả, có chất lượng cho người dân trong tiếp cận thông tin và áp dụng pháp luật về biện pháp bảo đảm và đăng ký biện pháp bảo đảm

a) Tập huấn điểm, luân phiên nâng cao kiến thức, năng lực hỗ trợ cho cán bộ cấp cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng, các tổ chức và cá nhân có liên quan theo địa bàn để có khả năng cung cấp thông tin, giới thiệu quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân.

b) Tổ chức tập huấn chuyên đề chuyên sâu điểm, luân phiên tại một số địa phương về kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho cán bộ cấp cơ sở, cán bộ cấp xã để nâng cao năng lực hỗ trợ người dân.

c) Biên soạn tài liệu hỏi đáp pháp luật, cẩm nang pháp luật, sổ tay pháp luật và các ấn phẩm tài liệu khác về biện pháp bảo đảm và đăng ký biện pháp bảo đảm cho cán bộ cấp cơ sở, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng.

3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm, đội ngũ cán bộ thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công về đăng ký biện pháp bảo đảm cho người dân

a) Tập huấn điểm, luân phiên nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng và những vấn đề cần lưu ý cho công chức Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các địa phương, chú ý ở các tỉnh có xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

b) Tọa đàm, hội nghị trao đổi kinh nghiệm về thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp dịch vụ công về đăng ký biện pháp bảo

đảm cho người dân các địa phương nói chung và người dân ở các tỉnh có xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

c) Biên soạn tài liệu hỏi đáp pháp luật, cẩm nang pháp luật, sổ tay pháp luật và các ấn phẩm tài liệu khác về biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm cho đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm cho đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

B3. NHIỆM VỤ 3

I. Tên nhiệm vụ

Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng hoạt động bồi thường nhà nước cho người dân, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

II. Mục tiêu

Giúp người dân kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động bồi thường của Nhà nước để được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

III. Phạm vi, địa bàn tổ chức, thực hiện

Trên toàn quốc; tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn...

IV. Đối tượng

Người thực hiện công tác bồi thường nhà nước, cán bộ, công chức cơ quan nhà nước, trợ giúp viên pháp lý, cá nhân, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ pháp lý; người dân, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

V. Nội dung thực hiện

1. Nội dung thực hiện

a) Truyền thông, nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và áp dụng pháp luật về bồi thường nhà nước cho người dân.

- Xây dựng các chương trình, tin bài trên đài truyền hình, truyền thanh, trang thông tin, ấn phẩm truyền thông, phim tài liệu, phóng sự truyền thông về pháp luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, về quyền yêu cầu bồi thường để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân

- Xây dựng video các tình huống được Nhà nước bồi thường cho người dân tập.

2. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước nhằm hỗ trợ có hiệu quả, chất lượng cho người dân

a) Tập huấn chuyên đề chuyên sâu, trao đổi kinh nghiệm về kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho đội ngũ cán bộ, công chức đang sinh sống các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

b) Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm về hướng dẫn, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức đang sinh sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

c) Biên soạn tài liệu hỏi đáp pháp luật, cẩm nang pháp luật, sổ tay pháp luật và các ấn phẩm tài liệu khác về bồi thường nhà nước cho người dân sinh sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn...

B4. NHIỆM VỤ 4

I. Tên nhiệm vụ

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh tại địa bàn nông thôn mới, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng an toàn khu, biên giới và hải đảo.

II. Mục tiêu

1. Cung cấp, cập nhật kịp thời thông tin chính sách, pháp luật, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh; tăng cường phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng áp dụng pháp luật trong tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh; qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành thói quen chủ động tìm hiểu và áp dụng pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh; nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp thông tin và dịch vụ hỗ trợ pháp lý; bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận tiện, góp phần tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp.

III. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên địa bàn cả nước, ưu tiên khu vực nông thôn, địa bàn có xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

IV. Đối tượng

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh (sau đây gọi là doanh nghiệp nhỏ và vừa).

V. Nội dung thực hiện

1. Hoạt động cung cấp thông tin về chính sách pháp luật

a) Xây dựng các chương trình truyền thông (phóng sự, tin bài, podcast...), trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình, Đài phát thanh và các phương tiện, nền tảng thông tin, truyền thông khác, ưu tiên sử dụng công nghệ số) phát hành và phủ sóng tại các địa phương vùng nông thôn, đồng bào dân tộc miền núi và vùng an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm nâng cao kiến thức pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm... để cung cấp thông tin chính sách, pháp lý và các sự kiện, hoạt động truyền thông về chương trình, cung cấp thông tin về các chính sách, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

c) Thực hiện khảo sát, nói chuyện chuyên đề, cung cấp thông tin liên quan đến các chính sách (thuế, đất đai, hợp đồng lao động, bảo hiểm...) cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Tổ chức tập huấn chuyên đề chuyên sâu về các quy định pháp luật cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao nhận thức các quy định pháp luật.

đ) Rà soát, khảo sát, nắm bắt, tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, hội nghị đối thoại với doanh nghiệp nhỏ và vừa... và trả lời hoặc chuyển cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền xử lý.

e) Infographic truyền thông về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bằng tiếng phổ thông hoặc tiếng dân tộc cho chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc vùng người dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật

a) Xây dựng, phát hành các loại tài liệu về tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ chuyên gia, tư vấn viên, cộng tác viên thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Nghiên cứu xây dựng và đăng tải, cập nhật, duy trì, khai thác hệ thống bài giảng, tài liệu điện tử bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật thiết yếu cho người thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên nền tảng số và các phương tiện truyền thông

3. Tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật

a) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị đối thoại chuyên đề mang tính liên ngành với doanh nghiệp, người làm công tác quản lý, các chuyên gia; nghiên cứu thiết lập các điểm tư vấn pháp luật; tổ chức tư vấn pháp luật lưu động tại các khu công nghiệp, các địa bàn tập trung nhiều doanh nghiệp và điều kiện di chuyển thuận tiện cho doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả mô hình hỗ trợ miễn phí dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh tại một số địa phương, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh do thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo làm chủ; hoạt động ở địa bàn đặc biệt khó khăn.

B5. NHIỆM VỤ 5

I. Tên nhiệm vụ

Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

II. Mục tiêu

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và khả thi của hệ thống các văn bản nhằm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

III. Phạm vi thực hiện

Hệ thống văn bản quy phạm các cấp.

IV. Đối tượng

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình.

V. Nội dung thực hiện

1. Tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm nhằm đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Điều tra, khảo sát thực tế việc triển khai các quy định có liên quan đến Chương trình.

3. Lấy ý kiến chuyên gia để hoàn thiện hệ thống văn bản về Chương trình.

4. Xây dựng Báo cáo đánh giá về hệ thống pháp luật liên quan đến Chương trình, làm rõ những vướng mắc, bất cập các quy định trong quá trình triển khai thực hiện; trên cơ sở đó, có những đề xuất, kiến nghị nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi về các quy định liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về lĩnh vực thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Trên cơ sở kinh phí của Chương trình được phân bổ, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện nội dung nhiệm vụ đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Về lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

2.1. Cục Phổ biến, Giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp

a) Triển khai các hoạt động về tiếp cận pháp luật, trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở tại: các điểm a, b, c, d, đ, e mục V.1; các điểm a, b, c, d, đ, e mục V.2; các điểm a, b, c, d, đ mục V.3; các điểm a, b, c, d, e, g mục V.4 của *Nhiệm vụ 1, Nội dung 03 Phần thứ hai Hướng dẫn này*.

Đối với hoạt động truyền thông việc đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính tại *mục V.7 Nội dung 02 Phần thứ hai Hướng dẫn này*, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý chủ trì, phối hợp với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính triển khai thực hiện.

b) Tham mưu đôn đốc thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung được giao theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP

ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2. Căn cứ các nội dung hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Hướng dẫn này, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai hiệu quả các nội dung về tiếp cận pháp luật, trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở tại địa phương, định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp kết quả thực hiện:

a) Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp hướng dẫn Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và phòng chuyên môn thuộc Sở chủ động triển khai các hoạt động tại: các điểm g, h, i, k mục V.1; các điểm a, b, c, d, đ, e mục V.2; các điểm b, đ mục V.3; điểm đ, g mục V.4 của *Nhiệm vụ 1, Nội dung 03 Phần thứ hai Hướng dẫn này* từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ.

- Quy trình lập dự toán: Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách chỉ đạo Sở Tư pháp tổng hợp dự toán do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và phòng chuyên môn lập. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu, nhiệm vụ chi của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách tổng hợp dự toán gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách: Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp hướng dẫn Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và phòng chuyên môn thuộc Sở chủ động triển khai các hoạt động tại *Nhiệm vụ 1, Nội dung 03 Phần thứ hai Hướng dẫn này* từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Về lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường nhà nước

Trên cơ sở kinh phí của Chương trình được cơ quan có thẩm quyền phân bổ cho Bộ Tư pháp, Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện nội dung nhiệm vụ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường nhà nước tại Hướng dẫn này.

4. Về lĩnh vực hỗ trợ pháp lý

Trên cơ sở kinh phí của Chương trình được phân bổ, Cục Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh; đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

về công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Hướng dẫn này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo Bộ Tư pháp (qua Cục Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (đ/b);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo; Tài chính (đ/b);
- Ủy ban các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục PLDSKT (DNLĐAS&TH, Nhân).

**K.T. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Tú